

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC TP. HỒ CHÍ MINH



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH
(Áp dụng từ khóa 2021)

TP. Hồ Chí Minh, tháng 09/2021

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 433/QĐ-ĐNT ngày 30/11/2021

của Hiệu trưởng trường đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh)

Tên chương trình : Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
Trình độ đào tạo : ĐẠI HỌC
Ngành đào tạo : Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
Mã ngành : 7810103
Loại hình đào tạo : CHÍNH QUY

I. Mô tả chương trình đào tạo

I.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

I.2. Thông tin chung

I.3. Sứ mạng – Tầm nhìn của trường

I.4. Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa (nếu có)

I.5. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)

I.6. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

I.7. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp

I.8. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

I.9. Chiến lược giảng dạy – học tập

I.10. Phương pháp đánh giá

I.11. Hệ thống tính điểm

II. Ma trận đáp ứng chuẩn đầu ra của các học phần

II. 1. Cấu trúc chương trình:

II.2. Danh sách các học phần

II.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương

II.2.1.1. Lý luận chính trị

II.2.1.2. Ngoại ngữ

II.2.1.3. Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng.

II.2.1.4. Kinh tế - xã hội

II.2.1.5. Toán – Tin học – KHTN

II.2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

II.2.2.1 Kiến thức cơ sở ngành

II.2.2.2. Kiến thức chuyên ngành

II.2.2.3. Kiến thức bổ trợ

II.2.2.4. Kiến thức tốt nghiệp

II.2.3. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT

II.2.4. Sơ đồ chương trình giảng dạy (cây chương trình):

II.2.5. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

II.2.6. Bảng phân công giảng dạy dự kiến

II.2.7. Mô tả các học phần

I. Mô tả chương trình đào tạo

I.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Chương trình giáo dục đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành đào tạo cử nhân có phẩm chất chính trị, có tinh thần yêu nước, ý thức phục vụ nhân dân, đạo đức tốt, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc, có kiến thức về khoa học nhân văn, về đất nước, con người, lịch sử văn hóa Việt Nam, có kiến thức và năng lực chuyên môn của doanh nghiệp lữ hành, có trình độ và năng lực giao tiếp tiếng Anh đủ để hoạt động trong lĩnh vực hướng dẫn viên du lịch, kinh doanh lữ hành trong nước và quốc tế, có khả năng tự nghiên cứu, tự học và tiếp tục học lên để đạt trình độ sau Đại học thuộc ngành này.

I.2. Thông tin chung

STT	Mục thông tin	Nội dung
1	Tên chương trình	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
2	Bậc	Đại học
3	Loại bằng	TNĐH/Cử nhân
4	Mã ngành	7810103
5	Loại hình đào tạo	Chính quy
6	Thời gian đào tạo	4 năm
7	Số tín chỉ	138 tín chỉ (không tính Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng)
8	Đơn vị quản lý	Khoa Du lịch – Khách sạn
9	Website	http://Huflit.edu.vn
10	Điện thoại	(028) 39707905
11	Ngày ban hành	30/11/2021

I.3. Sứ mạng – Tầm nhìn của trường

Sứ mạng

HUFLIT đào tạo những người ham học hỏi trở thành các công dân đáp ứng được những đòi hỏi không ngừng của thị trường lao động, có trách nhiệm với xã hội, có ý thức phát triển bản thân, có tri thức, kỹ năng nghề nghiệp cần thiết, đặc biệt là ngoại ngữ và tin học, thông qua các trải nghiệm thực tế.

Tầm nhìn

HUFLIT phấn đấu đến năm 2030 trở thành trường đại học top đầu trong nước về đào tạo ngành nghề sử dụng ngoại ngữ và tin học làm công cụ chiến lược để nâng cao kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp.

Mục tiêu

Xây dựng HUFLIT trở thành trường đại học đa ngành, đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đủ năng lực hội nhập với khu vực và thế giới.

I.4 Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa

Sứ mạng

Khoa Du lịch – Khách sạn đặt trọng tâm đào tạo nguồn nhân lực có chuyên môn cao trong lĩnh vực du lịch – khách sạn, đáp ứng những đòi hỏi không ngừng của nhà tuyển dụng, có trách nhiệm với cộng đồng, cầu tiến, ham học hỏi, có kỷ luật, tri thức và kỹ năng cần thiết trong lĩnh vực Du lịch – Khách sạn, thông thạo tiếng Anh.

Tầm nhìn

Khoa phấn đấu đến năm 2030 sẽ trở thành một trong năm đơn vị đứng hàng đầu về đào tạo nguồn nhân lực Du lịch – Khách sạn giỏi nghề, vững nghiệp vụ, thành thạo ngoại ngữ tại thành phố Hồ Chí Minh.

I.5. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)

I.5.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành nhằm mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực hướng dẫn viên và điều hành du lịch chất lượng cao, có kiến thức, kỹ năng, phương pháp làm việc và trình độ ngoại ngữ chuyên môn phù hợp trong lĩnh vực du lịch nội địa và quốc tế. Ngoài ra, sinh viên sau khi tốt nghiệp cũng có thể làm công việc như nhà nghiên cứu văn hóa và lịch sử.

I.5.2. Mục tiêu cụ thể:

Kiến thức

PO1: Hiểu rõ môi trường và các xu hướng phát triển chủ đạo của ngành “công nghiệp du lịch”, nhất là lĩnh vực dịch vụ du lịch và lữ hành ở Việt Nam.

PO2: Áp dụng được các kiến thức về du lịch, đặc biệt là quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành vào thực hiện, triển khai công việc và phục vụ cộng đồng.

Kỹ năng

PO3: Thực hành thuần thục kỹ năng nghề nghiệp của chuyên ngành Hướng dẫn du lịch cũng như thông thạo tiếng Anh giao tiếp chuyên môn.

PO4: Tổ chức và quản trị tốt các sự kiện liên quan đến lĩnh vực du lịch, đặc biệt là quản trị dịch vụ, kinh doanh lữ hành.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PO5: Thể hiện rõ quan điểm và lập trường chính trị, tuân thủ pháp luật nhà nước, ý thức tổ chức, kỷ luật, thái độ, đạo đức, hành vi phù hợp với yêu cầu của xã hội, tuân theo chuẩn mực văn hoá dân tộc và yêu cầu của nghề hướng dẫn du lịch, quản trị dịch vụ du lịch, kinh doanh lữ hành, có khả năng học tập suốt đời và nghiên cứu ở bậc cao hơn.

I.6. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

PLO1: Sinh viên hiểu rõ, trình bày được các đặc điểm cơ bản của thể chế chính trị hiện hành, các đặc điểm về kinh tế, xã hội, chính trị, pháp luật, văn hóa và môi trường Việt Nam.

PLO2: Sinh viên áp dụng được các kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và kỹ năng chuyên ngành hướng dẫn du lịch.

PLO3: Sinh viên sử dụng đúng và có thể giải thích các thuật ngữ chuyên ngành bằng tiếng Anh, giao tiếp và xử lý các vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh, sử dụng thành thạo tin học văn phòng (*đạt chứng chỉ TOEIC 550 điểm và chứng chỉ MOS về Tin học văn phòng Word và Excel*).

PLO4: Sinh viên vận dụng được những kiến thức chuyên sâu về du lịch như: kiến trúc mỹ thuật, tuyến điểm du lịch, tôn giáo tín ngưỡng, tài nguyên du lịch Việt Nam, địa lý thể giới; kỹ năng thuyết minh tại điểm, thuyết minh trên tuyến, kỹ năng xử lý tình huống,... của chuyên ngành hướng dẫn du lịch.

PLO5: Sinh viên vận dụng thành thục các quy tắc quản trị trong kinh doanh, nhất là trong quản trị chất lượng dịch vụ, marketing du lịch, kinh doanh lữ hành và đại lý lữ hành.

PLO6: Sinh viên thể hiện được tư duy hệ thống, phân biện trong các hoạt động nghề nghiệp nói chung và thành thực kỹ năng tổ chức sự kiện, kỹ năng hoạt náo, kỹ năng giới thiệu sản phẩm du lịch,...

PLO7: Sinh viên hiểu và vận dụng được các kiến thức chính của ngành vào việc khởi nghiệp, lập kế hoạch kinh doanh, thiết kế vận hành một mảng công việc cụ thể để quản trị dịch vụ du lịch.

PLO8: Sinh viên biết tôn trọng pháp luật, chấp hành chủ trương, chính sách của nhà nước, thể hiện quan điểm chính trị rõ ràng, hiểu được yêu cầu của đạo đức nghề nghiệp, ý thức phục vụ cộng đồng, bảo vệ của công, bảo vệ môi trường, thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ đối với xã hội.

PLO9: Sinh viên biết tôn trọng các giá trị lịch sử, văn hóa truyền thống của đất nước, của dân tộc, văn hoá doanh nghiệp.

PLO10: Sinh viên hòa nhập tốt với môi trường làm việc chuyên nghiệp, biết chấp hành kỷ luật lao động trong ngành; thực hiện tốt tôn chỉ hoạt động của nơi làm việc; tự tin và chủ động trong công việc; biết chấp nhận, thích nghi và chịu được áp lực với qui định đặc biệt về thời gian làm việc của ngành; sống trung thực, khiêm tốn, đoàn kết, thân thiện.

Mối liên hệ giữa mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của CTĐT:

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra (PLOs)									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
PO1	X	X				X				
PO2		X			X	X		X	X	
PO3			X	X			X	X		X
PO4			X		X		X	X	X	X
PO5	X			X			X		X	X

I.7. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp từ CTĐT ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành có thể:

1. Làm việc cho các doanh nghiệp lữ hành trong vai trò là Hướng dẫn viên du lịch (Nội địa, Inbound và Outbound); điều hành du lịch; nhân viên bộ phận kinh doanh lữ hành, ...
2. Làm việc trong lĩnh vực kinh doanh du lịch (các bộ phận nhân sự, hành chính, marketing, bán sản phẩm, tiếp tân, ...) với vị trí là nhân viên, chuyên viên, người giám sát, tổ trưởng, giám đốc bộ phận ở môi trường làm việc chuyên nghiệp, đặc biệt có sử dụng tiếng Anh.
3. Làm việc trong các lĩnh vực ngành nghề chuyên nghiệp khác, đảm nhận vị trí về: Quản trị nguồn nhân lực, quản trị hành chính – văn phòng, quản trị chiến lược, dịch vụ khách hàng, chăm sóc khách hàng....
4. Nghiên cứu và giảng dạy trong lĩnh vực quản trị nói chung, quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành tại các viện, trung tâm nghiên cứu, trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề.
5. Khởi nghiệp, thành lập doanh nghiệp trong các lĩnh vực quản trị dịch vụ và du lịch.
6. Học tập sau đại học để nâng cao trình độ.

I.8. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

Tiêu chí tuyển sinh:

CTĐT ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành chấp nhận các ứng viên đảm bảo những điều kiện sau:

1. Tốt nghiệp trung học phổ thông;
2. Có nguyện vọng vào ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, đăng ký thi quốc gia khối D01 (Văn, Toán, Tiếng Anh) hoặc A1 (Toán, Lý, Tiếng Anh), D15 (Văn, Địa, Tiếng Anh), D14 (Văn, Sử, Tiếng Anh). Trong đó Ngoại ngữ (Tiếng Anh) tính hệ số 02;
3. Có điểm thi quốc gia cao hơn hoặc bằng điểm trúng tuyển của trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Tp. HCM và ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

Quá trình đào tạo:

Thực hiện theo Quy chế đào tạo Đại học ban hành theo quyết định số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo Dục và Đào tạo.

Quá trình đào tạo được tổ chức theo khóa và năm học. Một năm có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 12 tuần thực học và 3 tuần kiểm tra, thi. Ngoài hai học kỳ chính, trường sẽ tổ chức thêm một học kỳ hè để cho những sinh viên thi không đạt ở các học kỳ chính được học lại.

Điều kiện tốt nghiệp:

Sinh viên được xét công nhận tốt nghiệp nếu hội đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ **138** tín chỉ qui định cho ngành theo học trong chương trình đào tạo;
- Đạt điểm trung bình tích lũy từ 2,00 trở lên (theo thang điểm 4)
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng, hoàn thành các học phần Giáo dục thể chất;
- Có chứng chỉ TOEIC 550 điểm trở lên (hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương)
- Có chứng chỉ MOS về Word và Excel
- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập cho đến thời điểm xét tốt nghiệp;

Sinh viên tốt nghiệp được Nhà trường cấp bằng Cử nhân ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam.

I.9. Chiến lược giảng dạy – học tập

Sinh viên được yêu cầu thực hiện tác phong đồng phục chuẩn mực trong việc tham gia lớp học cũng như các hoạt động thực tế, thực tập khác (theo qui định của Khoa DL-KS). Các chiến lược và phương pháp dạy học được sử dụng trong chương trình đào tạo cụ thể như sau:

I.9.1. Chiến lược dạy học trực tiếp

Dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giảng viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Chiến lược dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và tỏ ra có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được áp dụng gồm phương pháp giải thích cụ thể (Explicit Teaching), thuyết giảng (Lecture) và phương pháp tham luận (Guest Lecture)

1. Giải thích cụ thể (Explicit Teaching): Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giảng viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.

2. Thuyết giảng (Lecture): Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên dựa vào tập bài giảng, tập trung nghe giảng, ghi chú và giải thích thêm theo kiến thức đã lĩnh hội. Phương pháp này phù hợp với việc giới thiệu các khái niệm, mô hình, phương pháp hay kỹ thuật mới.

3. Tham luận (Guest lecture): Theo phương pháp này, sinh viên được tham gia vào các khóa học mà người diễn giảng, thuyết trình không phải là giảng viên mà là những người đến từ các doanh nghiệp bên ngoài. Thông qua những kinh nghiệm và hiểu biết của diễn giả để giúp sinh viên hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chuyên ngành đào tạo.

1.9.2. Chiến lược dạy học gián tiếp

Dạy học gián tiếp là chiến lược dạy học trong đó người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giảng viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến với sinh viên mà thay vào đó, sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được áp dụng gồm: Câu hỏi gợi mở (Inquiry), giải quyết vấn đề (Problem Solving), học theo tình huống (Case Study).

1. Câu hỏi gợi mở (Inquiry): Trong tiến trình dạy học, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết vấn đề đặt ra.

2. Giải quyết vấn đề (Problem Solving): Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh

viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học. Trong bối cảnh đào tạo hiện nay, phương pháp này có thể chia làm 3 cấp độ: cấp độ 1- vận dụng lý thuyết: vận dụng linh hoạt phương pháp giải quyết vấn đề trên cơ sở lý thuyết đã có giải quyết vấn đề của thực tiễn (chiến lược Giải quyết vấn đề trong mục này); cấp độ 2 – Giải quyết tình huống thực tế lớn hơn đòi hỏi sự cộng tác hoạt động nhóm (chiến lược Học theo tình huống) và cấp độ 3 – (Chiến lược tiểu luận, tổ chức sự kiện, hoạt động thực tế, bài tập lớn của học phần) phân tích và giải quyết bài toán thực tế phức tạp.

3. Học theo tình huống (Case Study): Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giảng viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết, giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.

1.9.3. Học trải nghiệm

Học trải nghiệm là chiến lược dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận. Học thông qua làm và trải nghiệm.

Các phương pháp dạy học được áp dụng theo chiến lược dạy học này gồm: thực hành (Practice), Mô hình (Models): thực tập, thực tế (Field Trip) và nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team)

1. Thực hành (Practice): Là phương pháp dạy học trong đó giảng viên sử dụng các thao tác của bài thực hành mẫu, sinh viên quan sát và thực hành với các tình huống đa dạng theo sự hướng dẫn của giảng viên. Từ đó sinh viên học được cách vận dụng kiến thức vào giải quyết bài toán thực tế ở mức độ nhỏ.

2. Mô hình (Models): là phương pháp dạy học trong đó sinh viên thông qua việc quan sát và phân tích một hệ thống cơ sở lưu trú, điểm đến, ... mà giảng viên nêu ra để học hỏi và đạt được nội dung kiến thức và kỹ năng được đặt ra.

9. Thực tập, thực tế (Field Trip): Thông qua các hoạt động thực tập thực tế tại các điểm đến du lịch, doanh nghiệp du lịch, khách sạn để giúp sinh viên hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các kỹ năng, kiến thức đang được áp dụng trong lĩnh vực ngành đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong môi trường chuyên nghiệp. Phương pháp này không những

giúp sinh viên hình thành kiến thức kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

10. Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team): Sinh viên được khuyến khích tham gia vào các dự án, nhóm nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên, giúp hình thành năng lực nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo. Từ đó, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp tục học tập cao hơn ở bậc học thạc sỹ, tiến sỹ sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và tốt nghiệp.

1.9.4. Dạy học tương tác

Đây là chiến lược dạy và học trong đó giảng viên kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận, tranh luận theo nhóm để giải quyết vấn đề đó. Giảng viên với vai trò hướng dẫn sinh viên từng bước giải quyết vấn đề. Từ đó giúp sinh viên đạt được mục tiêu dạy học. Sinh viên có thể học từ bạn học hay từ giảng viên để phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định.

Các kỹ thuật, phương pháp được TCE áp dụng theo chiến lược này gồm có: phương pháp tranh luận (Debate), thảo luận (Discussions), học nhóm (Peer Learning)

11. Tranh luận (Debates): là tiến trình dạy học trong đó giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, sinh viên với các quan điểm trái ngược nhau về vấn đề đó phải phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, sinh viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

12. Thảo luận (Discussion): Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

13. Học nhóm (Peer Learning): Sinh viên được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên. Các môn học trong chương trình nhấn mạnh việc học và làm việc nhóm thông qua việc chia nhóm để thực hiện đồ

án của môn học trong suốt học kỳ. Mỗi thành viên trong nhóm đóng một vai trò khác nhau và cùng đóng góp cho việc thực hiện đề án của môn học.

1.9.5. Tự học

Chiến lược tự học được hiểu là tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giảng viên. Đây là một quá trình giúp sinh viên tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học của họ thông qua các bài tập, dự án hay vấn đề mà giảng viên gợi ý, hướng dẫn ở lớp.

Phương pháp học theo chiến lược này được áp dụng chủ yếu là phương pháp bài tập ở nhà (Work Assignment) và Đề án của môn học (Course project).

1. Bài tập ở nhà (Work Assignment): Theo phương pháp này, sinh viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

2. Dự án của môn học (Course project): Theo phương pháp này, một nhóm sinh viên sẽ thực hiện một dự án trong suốt học kỳ. Thông qua dự án, sinh viên thực hiện quá trình phân tích, thiết kế và tổ chức một sự kiện mà giảng viên yêu cầu để đạt được nội dung kiến thức và kỹ năng được đặt ra. Nhóm sinh viên phải tự làm việc và nộp báo cáo trên từng giai đoạn. Giảng viên sẽ nhận xét trên báo cáo từng giai đoạn và cho hướng dẫn để nhóm sinh viên tiến hành các bước cải thiện và điều chỉnh quá trình hiện thực tiếp theo. Cuối học kỳ, nhóm sinh viên phải nộp quyển báo cáo. Tùy theo mức độ của dự án, giảng viên có thể chấm trực tiếp trên quyển báo cáo hay yêu cầu sinh viên trình bày trước hội đồng, thực thi chương trình thử nghiệm và trả lời câu hỏi của hội đồng (bao gồm từ 2 đến 3 giảng viên). Thông qua phương án học tập này, sinh viên sẽ vận dụng một cách sáng tạo kiến thức đã học để giải quyết một bài toán thực tế. Công việc này đòi hỏi sự nỗ lực tự học và là việc của sinh viên, dưới sự giám sát, hướng dẫn và đánh giá của giảng viên.

I.10. Phương pháp đánh giá

1.10.1 Các phương pháp đánh giá

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên là quá trình ghi chép, lưu giữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm

bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục và định kỳ. Yêu cầu và tiêu chí đánh giá cụ thể được Khoa Du lịch - Khách sạn thiết kế và công bố, làm rõ cho sinh viên trước khi học.

Các thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẻ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người học và nhà quản lý. Từ đó, kịp thời có những điều chỉnh về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.

Khoa đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp dạy học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng môn học để lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của người học cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo của khoa được chia thành 2 loại chính là đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment).

➤ **Đánh giá tiến trình (On-going/Formative Assessment)**

Mục đích của đánh giá tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá cụ thể với loại đánh giá tiến trình được TCE áp dụng gồm: đánh giá chuyên cần (Attendance Check), đánh giá bài tập (Work Assignment), và đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)

1. Đánh giá chuyên cần (Attendance)

Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của sinh viên cũng như những đóng góp của sinh viên trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với khóa học. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo quy định.

2. Đánh giá bài tập (Work Assignment)

Sinh viên được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.

3. Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)

Trong một số môn học thuộc chương trình đào tạo của TCE, sinh viên được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến

bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.

➤ **Đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment)**

Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của sinh viên tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ, và đánh giá cuối học kỳ.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong loại đánh giá này gồm có: Kiểm tra viết (Written Exam), Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice Exam), Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam), Báo cáo (Writing Report), Thuyết trình (Oral Presentation), đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment).

4. Kiểm tra viết (Writing)

Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

4. Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice)

Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.

5. Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)

Trong phương pháp đánh giá này, sinh viên được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp.

6. Báo cáo (Writing Report)

Sinh viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ/ hình ảnh trong báo cáo.

7. Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)

Phương pháp đánh giá này hoàn toàn giống với phương pháp đánh giá thuyết trình trong loại đánh giá tiến trình. Đánh giá được thực hiện theo định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ, hay cuối khóa).

9. Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment)

Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên.

1.10.2. Công cụ, tiêu chí đánh giá

Trên cơ sở các phương pháp đánh giá, khoa DL - KS đã xây dựng các công cụ, tiêu chí cụ thể để thực hiện việc đánh giá sinh viên, có sử dụng Rubrics. Tùy theo yêu cầu, mục tiêu và đặc trưng của từng môn học để lựa chọn phương pháp đánh giá cũng như Rubrics đánh giá thích hợp. Cùng một phương pháp đánh giá có thể áp dụng Rubric đánh giá khác nhau cho các học phần khác nhau.

• Đánh giá chuyên cần:

1. Đối với trường hợp sinh viên nghỉ học **không xin phép**

Tổng số điểm chuyên cần/học phần: 10/100

- Sinh viên nghỉ 1 buổi: Bị trừ 1 điểm còn 9 điểm
- Sinh viên nghỉ 2 buổi: Bị trừ 5 điểm còn 5 điểm
- Sinh viên nghỉ 3 buổi: Điểm chuyên cần bằng 0 điểm

2. Đối với trường hợp sinh viên nghỉ học **có xin phép (lý do chính đáng**, không quá 30% số giờ lên lớp) giảng viên có thể linh hoạt tính điểm chuyên cần, tối đa 2 buổi nghỉ có phép bằng 1 buổi nghỉ không phép.

3. Đối với trường hợp sinh viên đi học trễ sau 15 phút khi bắt đầu tiết học, tùy theo từng giảng viên quy định, có thể tính sinh viên nghỉ học không quá ½ buổi học.

4. Trường hợp sinh viên nghỉ học từ 7 buổi trở lên/ học phần, điểm tích lũy trong quá trình học sẽ bằng không.

I.11. Hệ thống tính điểm

Sinh viên theo học chương trình Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành được đánh giá theo hệ thống tính điểm áp dụng thống nhất cho cả Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Tp. HCM được quy định bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể:

– Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần, điểm thi cuối kỳ và điểm học phần. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng.

– Thang điểm chữ dùng để phân loại kết quả học dựa trên điểm học phần.

– Thang điểm 4 được dùng khi tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

Bảng 11.1 Hệ thống thang điểm của HUFLIT

Điểm được chấm theo thang điểm 10, điểm đạt là 4.0 trở lên. Sau đó, điểm được quy đổi sang thang điểm chữ, điểm số để tính điểm trung bình và xếp loại học lực.

Thang điểm 10	Điểm chữ	Thang điểm 4	Ghi chú
9.0 – 10	A+	4.0	Điểm đạt
8.5 - 8.9	A	4.0	
8.0 – 8,4	B+	3.5	
7.0 - 7.9	B	3.0	
6.0 – 6,9	C+	2.5	
5.5 – 5.9	C	2.0	
5.0 - 5.4	D+	1.5	
4.0 – 4.9	D	1.0	
Dưới 4	F	0.0	Không đạt

Bảng 11.2 Bảng xếp loại kết quả học tập.

Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy như sau (theo thang điểm 4):

Từ 3,6 đến 4,0:	Xuất sắc;
Từ 3,2 đến cận 3,6:	Giỏi;
Từ 2,5 đến cận 3,2:	Khá;
Từ 2,0 đến cận 2,5:	Trung bình;
Từ 1,0 đến cận 2,0:	Yếu;
Dưới 1,0:	Kém.

II. Ma trận đáp ứng chuẩn đầu ra của các học phần

II.1. Cấu trúc chương trình:

STT	Khối kiến thức		Số tín chỉ			Tỷ lệ %
			Bắt buộc	Tự chọn	Tổng cộng	
1	Giáo dục đại cương		19	0	19	13,77%
2	Giáo dục chuyên nghiệp	Cơ sở ngành	20	08	28	20,29%
		Ngành chính	63	05	68	49,27%
		Kiến thức bổ trợ	08	06	14	10,15%
		Tốt nghiệp	03	06	09	6,52%
		Tổng cộng				138

II.2. Danh sách các học phần

II.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương (19 tín chỉ)

II.2.1.1. Lý luận chính trị (11 tín chỉ)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Lý thuyết (tiết)	Thảo luận, thực hành	Tổng số tiết
1	1010443	Triết học Mác - Lênin	3			45
2	1010452	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2			30
3	1010462	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2			30
4	1010472	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	2			30
5	1010092	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			30
Tổng cộng:			11			

II.2.1.2. Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng (8 tín chỉ)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Ghi chú
1	1010042	Giáo dục thể chất 1	2	60	Không tính vào điểm tích lũy
2		Sinh viên chọn 1 trong các học phần:		90	
	1010602	Giáo dục thể chất 2 (Thể hình-Thẩm Mỹ NC)	3	90 tiết	
	1010612	Giáo dục thể chất 2 (Aerobic)	3	90 tiết	

	1010622	Giáo dục thể chất 2 (Vovinam)	3	90 tiết
	1010632	Giáo dục thể chất 2 (Yoga)	3	90 tiết
	1010642	Giáo dục thể chất 2 (Khiêu vũ thể thao)	3	90 tiết
	1010652	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)	3	90 tiết
3	1010034	Giáo dục quốc phòng-An ninh	3	165
Tổng cộng:			08	

II.2.1.3. Văn hóa - Xã hội (5 tín chỉ):

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần trước	Đạy bằng NN
1	1010052	Đại cương pháp luật Việt Nam	2	30	BB		
2	1310133	Lịch sử văn minh thế giới	3	45	BB		
Tổng cộng:			5				

II.2.1.4. Tin học (3 tín chỉ):

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần trước	Đạy bằng NN
1	1010083	Tin học đại cương	3	45	BB		
Tổng cộng:			3				

II.2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (120 tín chỉ):

II.2.2.1 Kiến thức cơ sở ngành (28 tín chỉ):

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	HP trước	Đạy bằng NN
1	1320243	Tổng quan du lịch	3	45	BB		
2	1320693	Văn hóa du lịch Việt Nam	3	45	BB		
3	1312393	Địa lý du lịch	3	45	BB		
4	1322483	Kinh tế du lịch	3	45	BB		X

5	1331083	Thuyết minh về lịch sử Việt Nam	3	45	BB		X
6	1322573	Tôn giáo và tín ngưỡng	3	45	BB		X
7	1331092	Phong tục tập quán và lễ hội truyền thống Việt Nam	2	30	BB		
Chọn 2 trong 3 học phần							
1	1320702	Văn hóa ẩm thực	2	30	TC	Văn hóa DL VN	
2	1312532	Văn hóa các dân tộc Việt Nam	2	30	TC	Văn hóa DL VN	
3	1312522	Văn hóa các nước Đông Nam Á	2	30	TC	Văn hóa DL VN	
Chọn 2 trong 3 học phần							
1	1322452	Nghệ thuật nói trước công chúng	2	30	TC		
2	1322462	Kiến trúc mỹ thuật trong du lịch	2	30	TC		
3	1322472	Nghiệp vụ hành chính văn phòng	2	30	TC		
		Tổng cộng	28				

II.2.2.2. Kiến thức – kỹ năng ngành (68 tín chỉ):

Kiến thức ngành chính (40 tín chỉ)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần trước	Dạy bằng NN
1	1322433	Tuyến điểm du lịch miền Bắc	3	45	BB	Địa lý du lịch Việt Nam	X
2	1322423	Tuyến điểm du lịch miền Trung	3	45	BB	Địa lý du lịch Việt Nam	X
3	1322413	Tuyến điểm du lịch miền Nam	3	45	BB	Địa lý du lịch Việt Nam	X

4	1331153	Quản trị nguồn nhân lực du lịch		3	45	BB		X
5	1331203	Quản trị kinh doanh lữ hành		3	45	BB	Thiết kế và điều hành du lịch Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch 1 và 2.	X
6	1312512	Quản lý điểm đến		2	30	BB	Địa lý DL, Marketing DL	X
7	1322503	Tổ chức sự kiện du lịch		3	45	BB		X
8	1322493	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch 1		3	45	BB	Tuyển điểm DL miền Nam, Địa lý DL.	X
9	1331103	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch 2		3	45	BB	Tuyển điểm DL miền Nam, Tuyển điểm DL miền Trung, Địa lý DL.	X
10	1312413	Marketing du lịch		3	45	BB	Kinh tế DL.	X
11	1331213	Kỹ năng bán sản phẩm du lịch		3	45	BB	Marketing du lịch, Nghệ thuật nói trước công chúng.	
12	1331163	Thiết kế và điều hành du lịch		3	45	BB	Tuyển điểm DL miền Nam, Tuyển điểm DL miền Trung,	X

							Tuyển điểm DL miền Bắc.	
Chọn 1 trong 2 học phần								
1	1322213	Quản trị chiến lược		3	45	TC		X
2	1331183	Quản trị rủi ro trong du lịch		3	45	TC	NV Hướng dẫn du lịch 1 và 2	X
Chọn 1 trong 2 học phần								
1	1322522	Du lịch sinh thái và phát triển bền vững		2	30	TC	Tổng quan DL	X
2	1322532	Du lịch M.I.C.E		2	30	TC	Tổng quan DL	X
		Tổng cộng:		40				

Kỹ năng ngoại ngữ ngành (22 tín chỉ):

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Học phần trước
1	1310843	Tiếng Anh tổng quát 1	3	45	
2	1310853	Tiếng Anh tổng quát 2	3	45	
3	1310864	Tiếng Anh giao tiếp 1	4	60	
4	1310874	Tiếng Anh giao tiếp 2	4	60	Tiếng Anh giao tiếp 1
5	1310884	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1	4	60	Tiếng Anh giao tiếp 1, Tiếng Anh giao tiếp 2
6	1310894	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 2	4	60	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1
Tổng cộng:			22		

Kỹ năng chuyên môn ngành (06 tín chỉ):

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Loại HP	Học phần trước
1	1322442	Thực tế chuyên môn	2	BB	Địa lý DL
2	1331122	Thực tập chuyên môn 1	2	BB	Tuyển điểm DL miền Nam, Tuyển điểm DL miền Trung, Địa lý Du lịch.
3	1331142	Thực tập chuyên môn 2	2	BB	Tuyển điểm DL miền Trung, Tuyển điểm DL miền Bắc, Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch 1, nghiệp vụ hướng dẫn du lịch 2, Địa lý Du lịch.
Tổng cộng:			06		

II.2.2.3. Kiến thức bổ trợ (14 tín chỉ):

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần trước	Đạy bằng NN
1	1331173	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong du lịch	3	45	BB	Tổng quan du lịch	X
2	1331113	Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp	3	45	BB	Văn hóa du lịch Việt Nam	
3	1310212	Tin học ứng dụng trong du lịch lữ hành	2	30	BB	Tin học đại cương	
Chọn 1 trong 2 học phần							
1	1322512	Hoạt náo trong du lịch	2	30	TC		
2	1322132	Thương mại điện tử	2	30	TC		
Chọn 2 trong 3 học phần							
1	1330192	Đạo đức nghề nghiệp	2	30	TC	Tâm lý DL và NTGT	
2	1331132	Kỹ năng mềm	2	30	TC	Tâm lý DL và NTGT	

3	1330232	Lễ tân ngoại giao	2	30	TC		
		Tổng cộng:	14				

II.2.2.4. Kiến thức tốt nghiệp (09 tín chỉ):

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Số tiết	Loại HP	Học phần trước	Dạy bằng NN
1	1331293	Thực tập doanh nghiệp du lịch lữ hành	3		BB		
2	1330016	Khóa luận tốt nghiệp	6		TC		X
Sinh viên chọn làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học 2 học phần thay thế							
1	1322193	Khởi nghiệp	3	45	TC		X
2	1320593	Quản trị chất lượng dịch vụ DL	3	45	TC		X
		Tổng cộng:	9				

II.2.3. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT

Ghi chú:

H: Mức đáp ứng của học phần cho CDR của CTĐT là “Cao”

M: Mức đáp ứng của học phần cho CDR của CTĐT là “Trung bình”

L: Mức đáp ứng của học phần cho CDR của CTĐT là “Thấp”

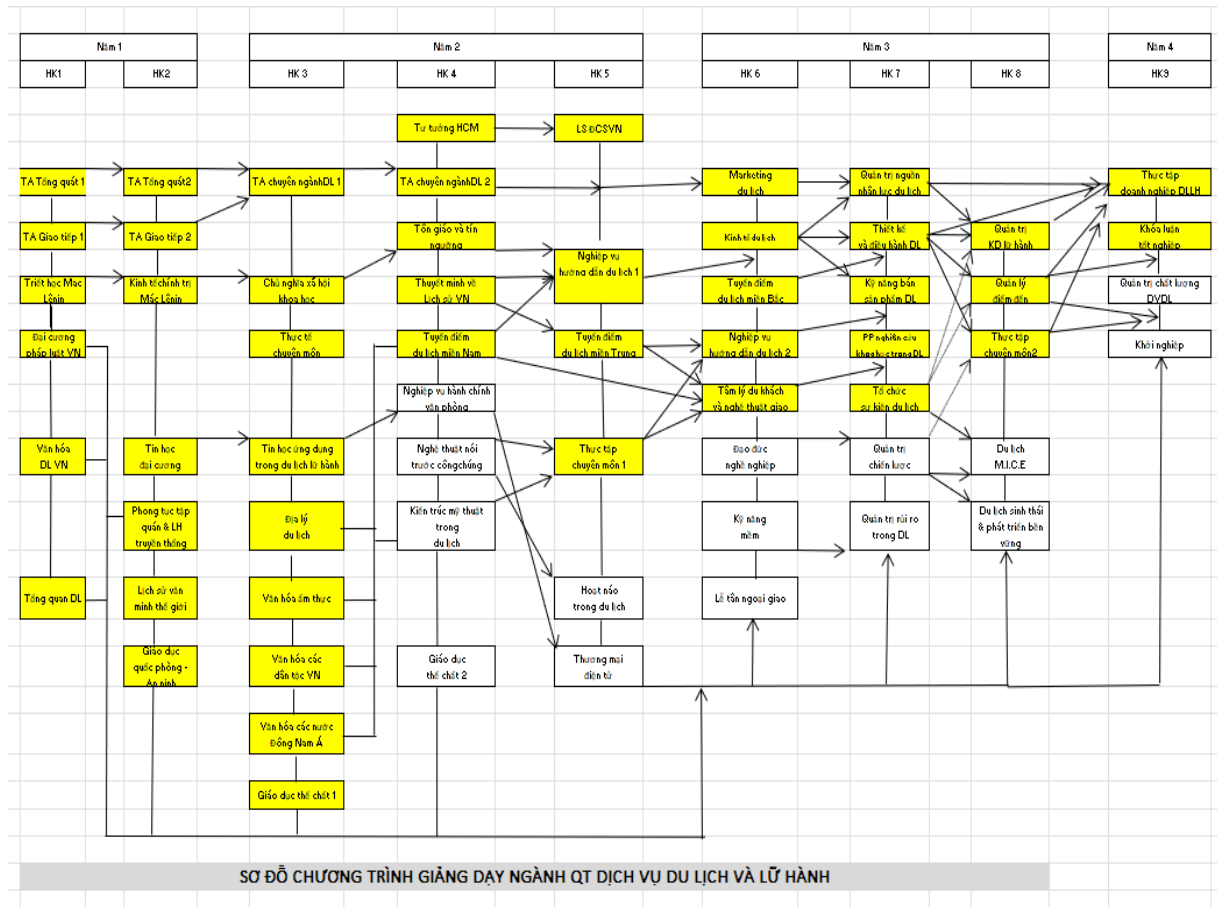
Bỏ trống hoặc “-”: Học phần không đáp ứng cho CDR của CTĐT

STT	Mã HP	Tên học phần	Đáp ứng chuẩn đầu ra (POL)									
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I. Học phần đại cương:												
1	1010443	Triết học Mác - Lênin	H								H	M
2	1010452	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	H								H	M
3	1010462	Chủ nghĩa xã hội khoa học	H								H	M
4	1010472	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	H								H	M
5	1010092	Tư tưởng Hồ Chí Minh	H								H	M
6	1010042	Giáo dục thể chất 1									M	L
7	1010182	Giáo dục thể chất 2									M	L

8	1010034	Giáo dục quốc phòng – An ninh								H	M	L
9	101052	Đại cương pháp luật Việt Nam	H							H	M	
10	1310133	Lịch sử văn minh thế giới		L		H					H	
11	1010083	Tin học đại cương	M			H					M	
II. Học phần cơ sở ngành												
12	1322483	Kinh tế du lịch	M		L		L		M			
13	1320243	Tổng quan du lịch		H	H	L	M					M
14	1312393	Địa lý du lịch	H			M						
15	1320693	Văn hóa du lịch Việt Nam	H								H	
16	1331083	Thuyết minh về lịch sử Việt Nam	M			H					H	
17	1322573	Tôn giáo và tín ngưỡng	M			H					H	
18	1322462	Kiến trúc mỹ thuật trong du lịch				H					M	
19	1331092	Phong tục tập quán và lễ hội truyền thống Việt Nam	M			H					M	
20	1320702	Văn hóa ẩm thực				M					M	
21	1312532	Văn hóa các dân tộc Việt Nam	M			H					M	L
22	1312522	Văn hóa các nước Đông Nam Á				H					M	L
23	1322452	Nghệ thuật nói trước công chúng	M	M		M				L	L	
24	1322472	Nghiệp vụ hành chính văn phòng	M				M			M		
III. Học phần ngành chính												
25	1322433	Tuyển điểm du lịch miền Bắc	M	L		H			M		M	
26	1322423	Tuyển điểm du lịch miền Trung	M	L		H			M			
27	1322413	Tuyển điểm du lịch miền Nam	M	L		H			M		M	
28	1331153	Quản trị nguồn nhân lực du lịch					M	M	H			M
29	1331203	Quản trị kinh doanh lữ hành		H		L	H		M			
30	1312512	Quản lý điểm đến	M			M	M			H		
31	1322503	Tổ chức sự kiện du lịch	L				H				M	M
32	1322493	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch 1	M	M		H		M			H	L
33	1331103	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch 2	M	M		H		M			H	L
34	1312413	Marketing du lịch					H	M		M	M	L

35	1331163	Thiết kế và điều hành du lịch	M			H	M		M	M		L
36	1331213	Kỹ năng bán sản phẩm du lịch		M	L		M	H				L
37	1322213	Quản trị chiến lược	M		L	M	M		M			
38	1331183	Quản trị rủi ro trong du lịch	M	M				H	M			
39	1322522	Du lịch sinh thái và phát triển bền vững	M							H	M	
40	1322532	Du lịch M.I.C.E	M						H	M		L
41	1310843	Tiếng Anh tổng quát 1		L	H							
42	1310853	Tiếng Anh tổng quát 2		L	H							
43	1310864	Tiếng Anh giao tiếp 1		M	H							
44	1310874	Tiếng Anh giao tiếp 2		M	H							
45	1310884	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1		M	H	H						
46	1310894	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 2		M	H	H						
47	1322442	Thực tế chuyên môn		M		H	M	H	M	M	H	L
48	1331122	Thực tập chuyên môn 1		M		H	M	H	M	M	H	L
49	1331142	Thực tập chuyên môn 2		M		H	M	H	M	M	H	L
50												
51	1331113	Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp	H			M		M				L
52	1331173	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong du lịch			M							
53	1330192	Đạo đức nghề nghiệp	M	M						H		M
54	1322512	Hoạt náo trong du lịch				M		H			M	
55	1322132	Thương mại điện tử					M		H	L		
56	1330232	Lễ tân ngoại giao	M	M				H		L		
57	1331132	Kỹ năng mềm	M				H			M		
58	1310212	Tin học ứng dụng trong du lịch lữ hành				M			L			
IV. Kiến thức tốt nghiệp												
59	1331293	Thực tập doanh nghiệp du lịch lữ hành	M	H	H	H	H	M	H	H	H	H
60	1330016	Khóa luận tốt nghiệp	H	H	H	M	H	H	M	M	M	M
61	1320593	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	M	M			H	M	M		M	L
62	1322193	Khởi nghiệp	M	M			H	M	H		L	M

II.2.4. Sơ đồ chương trình giảng dạy (cây chương trình):



II.2.5. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

Năm	Học kỳ	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	BT	TH	Tổng cộng
I	1	1310843	Tiếng Anh tổng quát 1 General English 1	3				18
		1310864	Tiếng Anh giao tiếp 1 English for communication 1	4				
		1010443	Triết học Mác – Lênin Philosophy of Marxism and Leninism	3				
		1010052	Đại cương pháp luật VN Introduction to Vietnamese Laws	2				
		1320243	Tổng quan du lịch Introduction to Tourism	3				
		1320693	Văn hóa du lịch Việt Nam Vietnam tourism culture	3				

2	1310853	Tiếng Anh tổng quát 2 General English 2	3				17		
	1310874	Tiếng Anh giao tiếp 2 English for communication 2	4						
	1010452	Kinh tế chính trị Mác – Lênin Political economics of Marxism and Leninism	2						
	1010083	Tin học đại cương Computer skill	3						
	1310133	Lịch sử văn minh thế giới World civilization history	3						
	1331092	Phong tục tập quán và lễ hội truyền thống Việt Nam Vietnamese traditional customs and festivals	2						
	1010034	Giáo dục quốc phòng – An ninh Military Education - Security	165t						
2	3	1310884	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch 1 English for Tourism 1	4			17		
		1322442	Thực tế chuyên môn Field trip	2					
		1010462	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	2					
		1312393	Địa lý du lịch Tourism Geography	3					
		1310212	Tin học ứng dụng trong du lịch lữ hành Information technology in tourism	2					
		1010042	Giáo dục thể chất 1 Physical Education 1	60t					
		Chọn 2 trong 3 học phần (Choose 2 out of 3 subjects)							
		1320702	Văn hóa ẩm thực Culture of Gastronomy	2					
		1312522	Văn hóa các nước Đông Nam Á Culture of Asean countries	2					
	1312532	Văn hóa các dân tộc Việt Nam Culture of Ethnic groups in Vietnam	2						
4	1310894	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch 2 English for Tourism 2	4			19			

	1322573	Tôn giáo và tín ngưỡng Religions and Beliefs	3				
	13224113	Tuyến điểm du lịch miền Nam Tourist destination and route in Southern Vietnam	3				
	1331083	Thuyết minh về lịch sử Việt Nam The history of Vietnam	3				
	1010092	Tư Tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	2				
	1010182	Giáo dục thể chất 2 Physical Education 2	90t				
	Chọn 2 trong 3 học phần (Choose 2 out of 3 subjects)						
	1322452	Nghệ thuật nói trước công chúng The Art of public speaking	2				
	1322462	Kiến trúc mỹ thuật trong du lịch Fine art architecture in tourism	2				
	1322472	Nghiệp vụ hành chính văn phòng Office administrative skills	2				
5	1322423	Tuyến điểm du lịch miền Trung Tourist destination and route in Central Vietnam	3				
	1010472	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam History of Vietnamese Communist party	2				
	1322493	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch 1 Tour Guiding 1	3				
	1331122	Thực tập chuyên môn 1 Tourism internship 1	2				
	Chọn 1 trong 2 học phần (Choose 1 out of 2 subjects)						
	1322512	Hoạt náo trong du lịch Cheerleading in tourism	2				
	1322132	Thương mại điện tử E-commerce	2				
6	1322433	Tuyến điểm du lịch miền Bắc Tourist destination and route in Northern Vietnam	3				
	1331103	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch 2 Tour Guiding 2	3				
							12
							19

3		1322483	Kinh tế du lịch Tourism economics	3				
		1312413	Marketing du lịch Tourism marketing	3				
		1331113	Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp Tourist psychology and communication arts	3				
	Chọn 2 trong 3 học phần (Choose 2 out of 3 subjects)							
		1330192	Đạo đức nghề nghiệp Professional ethics	2				
		1331132	Kỹ năng mềm Soft skills	2				
		1330232	Lễ tân ngoại giao Diplomatic Protocol	2				
	7	1331153	Quản trị nguồn nhân lực du lịch Tourism human resource management	3				
		1331163	Thiết kế và điều hành du lịch Tour itinerary design and operations	3				
		1322503	Tổ chức sự kiện du lịch Tourism Events	3				
1331173		Phương pháp nghiên cứu khoa học trong du lịch Research methods for tourism	3					
1331213		Kỹ năng bán sản phẩm du lịch Tourism selling skills	3					
Chọn 1 trong 2 học phần (Choose 1 out of 2 subjects)								
1331183		Quản trị rủi ro trong du lịch Risk management in tourism	3					
8	1322213	Quản trị chiến lược Strategic Management	3					
	1331203	Quản trị kinh doanh lữ hành Travel business administration	3					
	1312512	Quản lý điểm đến Destination Management	2					
	1331142	Thực tập chuyên môn 2 Tourism internship 2	2					
Chọn 1 trong 2 học phần (Choose 1 out of 2 subjects)								
							18	
							9	

		1322522	Du lịch sinh thái và phát triển bền vững Ecotourism and sustainable development	2					
		1322532	Du lịch M.I.C.E M.I.C.E tourism	2					
4	9	1331293	Thực tập doanh nghiệp du lịch lữ hành Internship in travel agency	3				9	
		1330016	Khóa luận tốt nghiệp Graduation thesis	6					
		SV chọn học hai môn thay thế cho Khóa luận tốt nghiệp (An alternative course if the student does not choose to do the graduation thesis)							
		1320593	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch Quality management of tourism services	3					
		1322193	Khởi nghiệp Startup	3					

II.2.6. Bảng phân công giảng dạy dự kiến

STT	Mã HP	Tên HP	Tên giảng viên	Ghi chú
1	1310843	Tiếng Anh tổng quát 1	ThS. Nguyễn Xuân Hiền ThS. Tôn Thị Thiết	
2	1310853	Tiếng Anh tổng quát 2	ThS. Huỳnh Thị Kim Hoa ThS. Tôn Thị Thiết	
3	1310864	Tiếng Anh giao tiếp 1	TS. Trần Quang Minh ThS. Tôn Thị Thiết	
4	1310874	Tiếng Anh giao tiếp 2	ThS. Huỳnh Thị Kim Hoa ThS. Nguyễn Xuân Hiền	
5	1310884	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1	ThS. Nguyễn Xuân Hiền TS. Trần Quang Minh	
6	1310894	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1	ThS. Nguyễn Xuân Hiền ThS. Tôn Thị Thiết	
7	1010443	Triết học Mác - Lênin	(Khoa Lý luận chính trị)	
8	1010052	Đại cương pháp luật VN	(Khoa Kinh tế - Luật)	
9	1320243	Tổng quan du lịch	ThS. Mã Xuân Vinh ThS. Nguyễn Công Trường ThS. Đinh Vũ Hoàng Tuấn	
10	1010452	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	(Khoa Lý luận chính trị)	

11	1010083	Tin học đại cương	(Khoa CNTT)	
12	1310133	Lịch sử văn minh thế giới	TS. Phạm Thị Thu Nga TS. Trần Thị Ánh	
13	1320693	Văn hóa du lịch Việt Nam	TS. Phạm Thị Thu Nga ThS. Nguyễn Công Trường TS. Hồ Văn Tường	
14	1010034	Giáo dục quốc phòng – An ninh	Trường Quân sự QK 7 đảm nhiệm	
15	1010462	Chủ nghĩa xã hội khoa học	(Khoa Lý luận chính trị)	
16	1312393	Địa lý du lịch	ThS. Trương Hoàng Phương – GD công ty du lịch Exotic ThS. Nguyễn Công Trường ThS. Đinh Thị Trà Nhi ThS. Đinh Vũ Hoàng Tuấn	
17	1331092	Phong tục tập quán và lễ hội truyền thống Việt Nam	TS. Hồ Văn Tường ThS. Đỗ Nguyên ThS. Nguyễn Công Trường	
18	1310212	Tin học ứng dụng trong du lịch lữ hành	(Khoa CNTT)	
19	1010042	Giáo dục thể chất 1	Phòng Đào tạo phụ trách phân công	
20	1322462	Kiến trúc Mỹ thuật trong du lịch	TS. Phạm Thị Thu Nga TS. Trần Thị Ánh TS. Hồ Văn Tường	
21	1331083	Thuyết minh về lịch sử Việt Nam	ThS. Mã Xuân Vinh ThS. Nguyễn Công Trường	
22	1320702	Văn hóa ẩm thực	TS. Phạm Thị Thu Nga ThS. Đỗ Hiền Hòa	
23	1010472	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	(Khoa Lý luận chính trị)	
24	1322483	Kinh tế du lịch	ThS. Nguyễn Minh Hương ThS. Lê Ngọc Phương Nguyên ThS. Nguyễn Thị Mộng Ngọc	
25	1322573	Tôn giáo và tín ngưỡng	ThS. Mã Xuân Vinh ThS. Nguyễn Công Trường	
26	1312532	Văn hóa các dân tộc Việt Nam	TS. Phạm Thị Thu Nga ThS. Nguyễn Công Trường	

			ThS. Đỗ Nguyên	
27	1312522	Văn hóa các nước Đông Nam Á	TS. Phạm Thị Thu Nga ThS. Nguyễn Công Trường Trần Ngọc Triết – Trưởng ban đào tạo chi hội HDV TP.HCM, Ban đào tạo công ty du lịch TST.	
28	1331113	Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp	TS. Võ Thị Bích Hạnh ThS. Nguyễn Thị Trang Nhung	
29	1322452	Nghệ thuật nói trước công chúng	ThS. Mã Xuân Vinh ThS. Phan Đông Nhựt – Sở DL Tp.HCM Trần Ngọc Triết – Trưởng ban đào tạo chi hội HDV TP.HCM, Ban đào tạo công ty du lịch TST.	
30	1322472	Nghiệp vụ hành chính văn phòng	ThS. Hà Công Khanh ThS. Trần Thị Hải Vân – Sở DL Tp.HCM ThS. Lê Thị Huyền	
31	1322433	Tuyến điểm du lịch miền Bắc	Th.S Võ Thị Cẩm Nhung Trần Ngọc Triết – Trưởng ban đào tạo chi hội HDV TP.HCM, Ban đào tạo công ty du lịch TST. Th.S Mã Xuân Vinh	
32	1312413	Marketing du lịch	ThS. Lê Ngọc Phương Nguyên ThS. Nguyễn Thị Mộng Ngọc ThS. Nguyễn Minh Hương	
33	1010092	Tư Tưởng Hồ Chí Minh	(Khoa Lý luận chính trị)	
34	1322423	Tuyến điểm du lịch miền Trung	Th.S Võ Thị Cẩm Nhung Trần Ngọc Triết – Trưởng ban đào tạo chi hội HDV TP.HCM, Ban đào tạo công ty du lịch TST. ThS. Nguyễn Công Trường	
35	1322522	Du lịch sinh thái và phát triển bền vững	Th.S. Mã Xuân Vinh ThS. Trần Thị Hải Vân – Sở Du lịch Tp.HCM	

36	1322532	Du lịch M.I.C.E	ThS. Trần Thị Hải Vân – Sở Du lịch Tp.HCM ThS. Lê Ngọc Phương Nguyên ThS. Đinh Vũ Hoàng Tuấn	
37	1312512	Quản lý điểm đến	ThS. Nguyễn Bảo Anh – Sở Du lịch Tp.HCM ThS. Nguyễn Minh Hương ThS. Trần Thị Hải Vân – Sở Du lịch Tp.HCM ThS. Đinh Vũ Hoàng Tuấn	
38	1322493	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch 1	ThS. Mã Xuân Vinh ThS. Phan Đông Nhật – Sở Du lịch Tp.HCM Trần Ngọc Triết – Trưởng ban đào tạo chi hội HDV TP.HCM, Ban đào tạo công ty du lịch TST.	
39	1331173	Thiết kế và Điều hành Du lịch	ThS. Nguyễn Công Trường ThS. Đinh Thị Trà Nhi Nguyễn Ngọc Tấn – Giám đốc công ty du lịch Saco ThS. Đinh Vũ Hoàng Tuấn	
40	1330232	Lễ tân ngoại giao	TS. Trần Đình Tự ThS. Đinh Thị Trà Nhi	
41	1331213	Kỹ năng bán sản phẩm du lịch	Th.S. Đinh Vũ Hoàng Tuấn ThS. Đinh Thị Trà Nhi ThS. Mã Xuân Vinh Lê Hoài Thanh – GD kinh doanh khách đoàn Viettourist	
42	1322413	Tuyên điểm du lịch miền Nam	Th.S. Võ Thị Cẩm Nhung ThS. Nguyễn Công Trường Trần Ngọc Triết – Trưởng ban đào tạo chi hội HDV TP.HCM, Ban đào tạo công ty du lịch TST.	
43	1322442	Thực tế chuyên môn	Khoa & Bộ môn	
44	1331122	Thực tập chuyên môn 1	Khoa & Bộ môn	
45	1221142	Thực tập chuyên môn 2	Khoa & Bộ môn	

46	1322512	Hoạt náo trong du lịch	ThS. Phan Đông Nhật – Sở DL TP.HCM ThS. Mã Xuân Vinh	
47	1322132	Thương mại điện tử	(Khoa Quản trị kinh doanh quốc tế)	
48	1331103	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch 2	ThS. Phan Đông Nhật – Sở Du lịch Tp.HCM ThS. Mã Xuân Vinh Trần Ngọc Triết – Trưởng ban đào tạo chi hội HDV TP.HCM, Ban đào tạo công ty du lịch TST.	
49	1322503	Tổ chức sự kiện du lịch	PGS.TS. Nguyễn Công Hoan TS. Phan Bảo Giang ThS. Mã Xuân Vinh ThS. Lê Ngọc Phương Nguyên	
50	1331153	Quản trị nguồn nhân lực du lịch	TS. Trần Quang Minh TS. Nguyễn Đường Giang – Trưởng phòng nhân sự Saigon tourist ThS. Nguyễn Minh Hương	
51	1331183	Quản trị rủi ro trong du lịch	TS. Trần Quang Minh ThS. Nguyễn Thị Mộng Ngọc ThS. Nguyễn Minh Hương ThS. Trần Thị Lan Anh	
52	1322213	Quản trị chiến lược	ThS. Nguyễn Minh Hương TS. Trần Quang Minh ThS. Trần Thị Lan Anh	
53	1331173	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong du lịch	TS. Trần Quang Minh ThS. Nguyễn Minh Hương	
54	1331132	Kỹ năng mềm	TS. Võ Thị Bích Hạnh Nguyễn Ngọc Tấn – GD Saco Travel ThS. Huỳnh Lê Phú Phong – Phó phòng nhân sự KS Mia Saigon.	
55	1330192	Đạo đức nghề nghiệp	TS. Phạm T Thu Nga TS. Võ Thị Bích Hạnh	

			PGS.TS. Nguyễn Công Hoan	
56	1331203	Quản trị kinh doanh lễ hành	PGS.TS. Nguyễn Công Hoan ThS. Trần Thị Lan Anh ThS. Đinh Trà Nhi ThS. Nguyễn Minh Hương ThS. Đinh Vũ Hoàng Tuấn	
57	1331293	Thực tập doanh nghiệp du lịch lễ hành	Doanh nghiệp - Bộ môn - Khoa	
58	1322193	Khởi nghiệp	TS. Trần Quang Minh ThS. Nguyễn Minh Hương ThS. Mã Xuân Vinh	
59	1330016	Khóa luận tốt nghiệp	GV hướng dẫn được BM & Khoa phân công	
60	1320593	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	ThS. Trần Thị Lan Anh ThS. Nguyễn Minh Hương ThS. Đinh Thị Trà Nhi	

II.2.7. Mô tả các học phần:

Tiếng Anh tổng quát 1:

Sau khi hoàn tất học phần, SV có vốn từ vựng ở cấp độ trung cấp (Intermediate) và kiến thức cơ bản về các chủ đề liên quan đến văn hóa, xã hội, và khoa học ở trong nước và trên thế giới. Luyện kỹ năng đọc lướt và đọc quét để tìm ý chính, các thông tin chi tiết của bài đọc, đoán nghĩa của từ thông qua ngữ cảnh. SV có kỹ năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề thông qua các dạng bài tập khác nhau trong từng đơn vị bài học. Nhận thức được mục đích ứng dụng của môn học và có ý thức tự học.

Ngoài ra, sinh viên có kiến thức về cấu trúc của một đoạn văn trong tiếng Anh. Có kỹ năng viết một đoạn văn ngắn ở cấp độ trung cấp từ 200 đến 250 với các thể loại như miêu tả, tường thuật,... về những chủ đề liên quan đến sinh hoạt thường ngày trong đời sống xã hội, nghề nghiệp với bố cục chặt chẽ. SV biết sắp xếp ý tưởng một cách hợp lý, liên kết các ý tưởng, bảo đảm tính nhất quán, chính xác khi viết một đoạn văn theo chủ đề. Sử dụng kiến thức nền, từ vựng, và tự điển để giải quyết các bài tập viết. Làm việc cá nhân và nhóm hiệu quả, sử dụng kỹ năng giao tiếp, tư duy logic. . Rèn tính cẩn thận, tập trung khi viết. Xây dựng tác phong chuyên nghiệp trong học tập và cuộc sống. Tạo thói quen tự tin và tự nghiên cứu.

Tiếng Anh tổng quát 2:

Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên có kỹ năng đọc nhanh, đọc lướt bài khóa và nêu được ý chính, ý phụ của bài đọc, hàm ý của tác giả. Đoán được nghĩa của từ, cụm từ trong ngữ cảnh. Sử

dụng kiến thức và từ vựng theo chủ đề, và từ điển để giải quyết các dạng bài tập đọc ở cấp độ trên trung cấp (Upper- intermediate). SV có kỹ năng làm việc cá nhân và nhóm, sử dụng kỹ năng giao tiếp, tư duy logic, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề. Ngoài ra, SV. sẽ xây dựng được tác phong chuyên nghiệp trong học tập, có thái độ học tập tích cực, tự tin, và có ý thức tự học. Ngoài ra, sinh viên có thể vận dụng vốn từ vựng tiếng Anh để viết một cách khá hoàn chỉnh các thể loại khác nhau của bài luận văn có năm đoạn về các chủ đề thông thường liên quan đến xã hội, cuộc sống hằng ngày ở cấp độ trên trung cấp. Nhận ra và hiểu biết các điểm ngữ pháp, nhiều loại cấu trúc câu khác nhau được sử dụng một cách chính xác vào các bài viết luận văn. SV. có kỹ năng giao tiếp bằng văn bản, kỹ năng giải quyết vấn đề; Ngoài ra, SV còn rèn tính cẩn thận, tập trung khi viết, tư duy độc lập và logic.

Tiếng Anh giao tiếp 1:

Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên sẽ có khả năng nghe hiểu được nội dung của một ngôn bản hoặc bài hội thoại bằng tiếng Anh ở mức độ trung cấp (Intermediate) với các chủ đề liên quan đến xã hội, văn hóa, cuộc sống hằng ngày.... và làm quen với nhiều loại hình bài tập/ hoạt động nghe khác nhau trong các tình huống liên quan đến chủ đề. Có kỹ năng nghe để đoán nội dung chính, nghe lấy ý chính và ý chi tiết. Đồng thời sinh viên có thể nhận ra cách nói âm trong tiếng Anh, câu nói dùng lối nói bóng, hay thành ngữ hoặc giọng nói địa phương của người bản ngữ. Rèn kỹ năng làm việc cá nhân và nhóm, sử dụng kỹ năng giao tiếp, tư duy logic và giải quyết vấn đề, rèn thái độ học tập tích cực và tự tin, xây dựng tác phong chuyên nghiệp trong học tập và cuộc sống.

Thêm vào đó, sinh viên có khả năng giao tiếp trực tiếp bằng tiếng Anh ở cấp độ trung cấp theo chủ đề liên quan đến ngành nghề; đồng thời có thể dùng từ đúng ngữ cảnh, các mẫu câu nói chính trong các tình huống thực tế. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng làm việc theo đôi, có thái độ giao tiếp tự tin.

Tiếng Anh giao tiếp 2:

Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên nâng cao vốn từ vựng tiếng Anh trong giao tiếp. Có khả năng nghe hiểu được nội dung của một ngôn bản hoặc bài hội thoại dài bằng tiếng Anh ở mức độ trên trung cấp và làm quen với nhiều loại hình bài tập nghe khác nhau trong các tình huống theo chủ đề. Nhận biết ngữ điệu, cách nói âm trong tiếng Anh, câu nói bóng, thành ngữ hoặc giọng nói địa phương của người bản ngữ. Rèn kỹ năng làm việc cá nhân và nhóm, nghe đoán nội dung chính của ngôn bản, nghe lấy ý chính và ý chi tiết.

Trong kỹ năng nói, SV có thể liệt kê được các từ vựng liên quan đến chủ đề trước khi bắt đầu bài học và sau khi kết thúc mỗi hoạt động nói. Trình bày được các kiến thức cơ bản về các chủ đề

liên quan trong chương trình học. Vận dụng được khối kiến thức này vào các tình huống mô phỏng hoặc giả định trong ngữ cảnh cụ thể. Thể hiện năng lực sử dụng tiếng Anh trong kinh doanh và hoạt động nghề nghiệp. Tích lũy được các kỹ năng giao tiếp tốt ở cấp độ trên trung cấp (Upper-intermediate), và kỹ năng làm việc nhóm để cùng giải quyết một cách hiệu quả các dạng bài tập nói ở trình độ trên trung cấp. Rèn tính cẩn thận, phát âm chuẩn và nói tiếng Anh lưu loát.

Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1:

Sau khi hoàn tất học phần, SV có kiến thức và từ vựng liên quan đến chuyên ngành du lịch. Trình bày được các kiến thức cơ bản về các chủ đề liên quan trong chương trình học. Vận dụng được khối kiến thức này vào các tình huống mô phỏng hoặc giả định trong kinh doanh dịch vụ du lịch. Thể hiện năng lực sử dụng tiếng Anh trong kinh doanh và hoạt động nghề nghiệp. Tích lũy được các kỹ năng giao tiếp tốt ở cấp độ trên trung cấp (Upper-intermediate) và kỹ năng làm việc nhóm để cùng giải quyết một cách hiệu quả các dạng bài tập nói ở trình độ trên trung cấp. Phát âm chuẩn, đúng ngữ điệu, đúng các điểm văn phạm xuất hiện thường xuyên trong ngành du lịch.

Sinh viên phát triển kỹ năng đọc nhanh, đọc lướt bài khóa và nêu được ý chính, ý phụ của bài đọc, hàm ý của tác giả. Đoán được nghĩa của từ, cụm từ trong ngữ cảnh. Sử dụng kiến thức và từ vựng trong chuyên ngành, và từ điển để giải quyết các dạng bài tập đọc ở cấp độ trên trung cấp (Upper-intermediate). SV có kỹ năng làm việc cá nhân và nhóm, sử dụng kỹ năng giao tiếp, tư duy logic, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề. Ngoài ra, SV sẽ xây dựng được tác phong chuyên nghiệp trong học tập, có thái độ học tập tích cực, tự tin và có ý thức tự học.

Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 2:

Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên tiếp tục bổ sung kiến thức từ vựng liên quan đến chủ đề của bài học. Trình bày lưu loát được các kiến thức cơ bản về các chủ đề liên quan trong chương trình học ở trình độ trên trung cấp. Vận dụng được khối kiến thức này vào các tình huống mô phỏng hoặc giả định trong kinh doanh dịch vụ du lịch. Thể hiện năng lực sử dụng tiếng Anh trong kinh doanh và hoạt động nghề nghiệp. Tích lũy được các kỹ năng giao tiếp tốt và kỹ năng làm việc nhóm để cùng giải quyết một cách hiệu quả các dạng bài tập. Rèn tính cẩn thận, phát âm chuẩn các từ vựng và sử dụng đúng ngữ điệu tiếng Anh trong một tình huống cụ thể.

Sinh viên có thể đọc hiểu các dạng bài đọc khác nhau với nội dung phức tạp ở cấp độ trên trung cấp trong tình huống kinh doanh trong lĩnh vực du lịch. Có kỹ năng đọc nhanh và đọc lướt để tìm ý chính, hiểu được hàm ý của tác giả. Đồng thời, sinh viên có thể tăng cường tốc độ đọc, tăng vốn từ vựng và tăng cường kiến thức về chuyên ngành du lịch và các dịch vụ có liên quan. Khi tham gia vào các hoạt động học tập bộ môn, sinh viên tự trang bị cho bản thân khả năng hoạt động và tư duy độc lập, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề. Ngoài ra, SV sẽ xây dựng được tác phong chuyên nghiệp trong học tập, có thái độ học tập tích cực, tự tin và có ý thức tự học.

Đại cương pháp luật Việt Nam:

Môn học giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật, bao gồm: lý luận chung về nhà nước và pháp luật (nguồn gốc, bản chất, chức năng, đặc trưng cơ bản của nhà nước; nguồn gốc, hình thức, khái niệm, thuộc tính của pháp luật); hệ thống pháp luật và quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; các chế định luật cơ bản của một số ngành luật quan trọng như: Luật Hiến pháp, Luật Lao động, Luật Dân sự và Tố tụng Dân sự, Luật Hình sự và Tố tụng Hình sự, Luật Du lịch.

Lịch sử văn minh thế giới:

Sau khi hoàn tất học phần này, sinh viên có thể có được những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển của các trung tâm văn minh tiêu biểu trên thế giới. Qua đó, sinh viên nắm vững về cơ sở hình thành và những thành tựu nổi bật của một số trung tâm văn minh thế giới; tìm hiểu về phương pháp tiếp cận và nghiên cứu một nền văn minh, từ đó rút ra một số quy luật chung về quá trình hình thành, phát triển của văn minh nhân loại. Từ đó, môn học giúp cho sinh viên xây dựng quan điểm nhân văn, nhân sinh quan đúng đắn, nâng cao lòng tự hào, biết trân trọng những giá trị tinh thần, vật chất của văn minh loài người, biết vận dụng hữu ích vào công việc cụ thể, nhận thức được các yếu tố cần kế thừa, phát huy hay loại trừ trong bối cảnh hội nhập thế giới.

Văn hóa du lịch Việt Nam:

Môn học cung cấp những kiến thức về văn hóa và văn hóa du lịch, hiểu được những thành tố văn hóa Việt Nam, tiến trình lịch sử của văn hóa Việt Nam, những sản phẩm văn hóa du lịch đặc trưng của Việt Nam, những nền tảng văn hóa cho hoạt động du lịch thực tiễn. Môn học cung cấp các vấn đề về văn hóa của chủ thể du lịch, văn hóa của khách thể du lịch, văn hóa của doanh nghiệp du lịch và khai thác những giá trị của văn hóa để phục vụ cho ngành du lịch sau này.

Phương pháp nghiên cứu khoa học trong du lịch:

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ có ý thức về nghiên cứu khoa học, suy nghĩ và chọn lựa đề tài du lịch áp ủ để nghiên cứu; SV có thể liệt kê được các bước tiến hành trong bài nghiên cứu, bố cục của bài nghiên cứu. Có kỹ năng thu thập, đọc tài liệu liên quan đến đề tài và sau đó viết bản tóm tắt. Có thể lập phiếu điều tra khảo sát, thu thập và phân tích dữ liệu cần thiết cho kết quả nghiên cứu. Diễn giải ý nghĩa của các số liệu, sắp xếp ý tưởng một cách hợp lý. Hoàn tất một đề cương chi tiết của đề tài nghiên cứu. Giải quyết các dạng bài tập viết báo cáo ở mức độ cao cấp. Ngoài ra, SV có kỹ năng làm việc nhóm, rèn tính cẩn thận, tập trung đọc tài liệu. Xây dựng tác phong làm việc chuyên nghiệp trong nghề nghiệp.

Kinh tế du lịch:

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về sự vận hành của nền kinh tế thị trường gồm : 1) Kinh tế học vi mô : giới thiệu một cách tổng quát cơ chế vận hành của một thị trường điển hình và hành vi lựa chọn của doanh nghiệp; 2) Kinh tế học vĩ mô: Trình bày

những biến số kinh tế vĩ mô chủ yếu và các yếu tố quyết định chúng qua một số mô hình kinh tế vĩ mô cơ bản; 3) Ứng dụng kiến thức vào phân tích và đánh giá tác động của kinh tế với du lịch. Qua đó, người học có thể hiểu được tầm quan trọng đối với các chính sách kinh tế của Chính phủ trong việc điều tiết hoạt động kinh doanh trong du lịch của một quốc gia.

Tổng quan du lịch:

Tổng Quan Du lịch là học phần bắt buộc của chuyên ngành du lịch. Qua đó sinh viên sẽ vận dụng những kiến thức đã được trang bị của Tổng quan du lịch vào phân tích, liên hệ thực tiễn và đề xuất các ý tưởng có liên quan đến lĩnh vực kinh tế, quản lý và kinh doanh du lịch. Về kiến thức cung cấp cho sinh viên hiểu rõ các khái niệm và các kiến thức của ngành dịch vụ du lịch; hiểu rõ được các điều kiện phát triển du lịch; hiểu rõ được mối tương quan giữa du lịch và các lĩnh vực khác. Về kỹ năng, sinh viên biết vận dụng những kiến thức cơ bản trên để áp dụng cho các môn học chuyên ngành.

Nghệ thuật nói trước công chúng:

Môn học giúp sinh viên chuyên ngành Du lịch xây dựng được kỹ năng xây dựng và thuyết minh những đề tài du lịch. Thông qua các bài thực hành, môn học giúp SV biết cách làm việc và giao tiếp với khách hàng một cách chuyên nghiệp, cách giải quyết các tình huống trong hoạt động du lịch một cách thuyết phục nhất. Từ đó, giúp sinh viên có sự tự tin trong giao tiếp và thuyết minh cho du khách. Môn học sẽ tập trung chủ yếu vào kỹ năng ngôn ngữ, xây dựng bài thuyết minh, kỹ năng thuyết minh, kỹ năng giao tiếp và các hoạt động giao tiếp thực tế.

Lễ tân ngoại giao:

Môn học trang bị cho sinh viên về các khái niệm và đặc điểm của lễ tân ngoại giao, qua đó sinh viên nắm được các nội dung cơ bản của nghệ thuật ngoại giao, cần xây dựng và duy trì mối quan hệ ngoại giao. Hiểu được tầm quan trọng của lễ tân ngoại giao trong việc áp dụng các nguyên tắc giao tiếp, lễ nghi. Bên cạnh đó sinh viên sẽ biết đánh giá và xử lý những tình huống trong các giao tiếp đời thường và ngoại giao.

Kỹ năng mềm:

Môn học trang bị cho SV các khái niệm về kỹ năng sống, lãnh đạo, làm việc theo nhóm, kỹ năng quản lý thời gian, vượt qua khủng hoảng, sáng tạo,.... Từ đó, giúp SV phân biệt những hình thức tạo ý thức làm việc và giao tiếp tốt với du khách, xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa nhân viên du lịch với khách hàng.

Thuyết minh về lịch sử Việt Nam:

Môn học sẽ giúp sinh viên hệ thống kiến thức lịch sử Việt Nam một cách thực tế thông qua các câu chuyện lịch sử gắn với các sự kiện, danh nhân của dân tộc nhằm phục vụ cho thuyết minh du lịch. Môn học cũng trau dồi cho sinh viên tình yêu quê hương đất nước, bắt nguồn từ lòng tự hào về lịch sử quật cường của dân tộc, giúp sinh viên hiểu biết thêm về sự khác biệt văn hóa vùng

miền. Từ đó vận dụng vào trong công việc cụ thể như trao đổi, thuyết minh cho du khách hiểu rõ hơn lịch sử nước nhà và lan tỏa giá trị truyền thống đến mọi du khách.

Địa lý du lịch:

Đây là một trong những môn học bắt buộc trong việc đào tạo học viên ngành du lịch. Môn học cung cấp cho người học những kiến thức về: đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu địa lý du lịch; các nhân tố ảnh hưởng tới sự hình thành và phát triển du lịch; tổ chức lãnh thổ du lịch và các vùng du lịch của Việt Nam. Giới thiệu về cơ sở địa lý du lịch; hệ thống hóa các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển của du lịch; sự phân hoá lãnh thổ và kiến thức về các vùng du lịch Việt Nam. Giúp cho sinh viên có khả năng phân tích, đánh giá việc tổ chức lãnh thổ du lịch ở Việt Nam một cách đúng đắn từ đó thực hiện công tác quy hoạch du lịch một cách hợp lý. Môn học khái quát về địa lý du lịch thế giới nhằm trình bày về các vùng du lịch nổi tiếng trên thế giới, xu hướng phát triển du lịch trên thế giới. Qua đó, giới thiệu những điểm đến trong khu vực dành cho những du khách muốn khám phá.

Quản trị rủi ro trong du lịch:

Môn học cung cấp SV các khái niệm về rủi ro và quản trị rủi ro, quy trình quản trị rủi ro và các nhân tố tạo nên sự thành công của quy trình quản trị rủi ro. SV sẽ hiểu biết các phương pháp xác định và đánh giá rủi ro, và cách ứng phó, xử lý rủi ro, cũng như phục hồi sau rủi ro một cách tối ưu nhất, nội dung tập trung chính vào ngành Du lịch – Khách sạn.

Quản trị chiến lược:

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về quá trình xác định cụ thể mục tiêu của tổ chức, phát triển chính sách và kế hoạch để đạt được các mục tiêu này và phân bổ nguồn lực để thực hiện chính sách và kế hoạch để đạt được mục tiêu đề ra. Từ đó đánh giá đối thủ cạnh tranh và thiết lập mục tiêu và chiến lược để bắt kịp và vượt qua tất cả đối thủ hiện tại cũng như tiềm năng và sau đó đánh giá lại mỗi chiến lược hàng năm hoặc hàng quý để xác định xem các chiến lược này đã được thực hiện như thế nào và công ty đã thực hiện thành công hay cần phải thay thế bằng chiến lược khác để kịp thời thích ứng với điều kiện thay đổi, công nghệ mới, đối thủ mới, môi trường kinh doanh mới, hoặc môi trường xã hội, tài chính hoặc chính trị mới.

Marketing du lịch:

Môn học trang bị giúp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về tiếp thị DL. Qua đó, sinh viên hiểu biết khái quát và có một số kỹ năng cần thiết về công tác marketing trong hoạt động kinh doanh DL; những kiến thức liên quan trực tiếp tới mục tiêu và qui trình xác lập các nguyên tắc, thể thức của hoạt động marketing DL. Từ đó, sinh viên biết vận dụng kiến thức này một cách linh hoạt, trong các lĩnh vực cụ thể của ngành dịch vụ.

Tổ chức sự kiện du lịch:

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức và thực hành về việc tổ chức và quản lý sự kiện từ định nghĩa sự kiện, cách phân loại các sự kiện, các quy trình chung của việc quản lý và tổ chức các sự kiện và hội nghị, cách lập kế hoạch tổ chức sự kiện, xác định chủ đề và làm nội dung cho sự kiện, quản lý về con người, tài chính, rủi ro trước khi tổ chức sự kiện, cũng như hoạch định và xử lý các tình huống phát sinh trong một sự kiện.... Từ đây, tạo cho sinh viên một cái nhìn thực tế và nhận thức đúng đắn cũng như tác phong chuyên nghiệp trong lĩnh vực du lịch.

Kỹ năng bán sản phẩm DL:

Giúp sinh viên làm quen và biết khái quát về một số kỹ năng cần thiết khi giới thiệu, quảng bá sản phẩm và thực hành các kỹ năng này trong hoạt động kinh doanh du lịch. Môn học cũng giúp sinh viên quen thuộc các tình huống thực tế giới thiệu sản phẩm, và biết cách chuẩn bị các phát biểu ngắn cũng như thuyết minh, giới thiệu, quảng bá sản phẩm, và thuyết phục khách hàng thông qua hoạt động giới thiệu sản phẩm trong những tình huống tương tự ở môi trường xã hội và công việc.

Quản trị nguồn nhân lực du lịch:

Môn học phân tích các chức năng chính của quản trị nguồn nhân lực bao gồm hoạch định nguồn nhân lực, phân tích và thiết kế công việc, tuyển dụng, đào tạo và phát triển, quản trị thành tích, tiền lương và phúc lợi. SV biết được các khái niệm, nguyên tắc cơ bản và các xu hướng quản trị nhân lực hiện nay trong lĩnh vực quản trị du lịch – khách sạn và có khả năng hoạch định các chiến lược, ra quyết định cũng như tổ chức hợp lý, hướng dẫn và kiểm soát các hoạt động quản trị nhân lực hiệu quả. Trọng tâm của môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về quản trị con người trong tổ chức nhằm đạt được kết quả tốt nhất cho tổ chức và gia tăng sự thỏa mãn và phát triển của nhân viên làm việc trong ngành du lịch – khách sạn. Chương trình đào tạo của môn học tăng cường các hoạt động nhóm và thảo luận các hoạt động quản trị nguồn nhân lực, qua đó phát triển khả năng tiếp cận thực tế, tăng cường năng lực thực tiễn và phát triển các kỹ năng về quản trị nguồn nhân lực trong tương lai.

Du lịch sinh thái và phát triển bền vững:

Học phần này cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận và thực tiễn về du lịch sinh thái trên thế giới và ở Việt Nam; điều kiện và hiện trạng phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam; cách thiết kế và quản lý địa bàn phát triển du lịch sinh thái. Qua đó, người học có cái nhìn tổng quan về phát triển bền vững và có thể vận dụng những kiến thức vào phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam.

Du lịch M.I.C.E:

Môn học cung cấp các tri thức cơ bản về một loại hình du lịch đang phát triển là Du lịch MICE và những yếu tố cốt lõi làm nên thành công của MICE. Sinh viên biết cách đánh giá sơ bộ tính

khả thi của ý tưởng tổ chức, cách vận dụng lý thuyết để triển khai ý tưởng cụ thể trong tổ chức hội nghị. Bên cạnh đó môn học còn trang bị cho sinh viên cách nhận biết quản lý rủi ro; cách thu hút người tài và sử dụng các kỹ năng tổ chức hội nghị thành công.

Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp:

Môn học cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về tâm lý người và khoa học tâm lý, mối quan hệ qua lại giữa các hiện tượng tâm lý cụ thể trong đời sống tâm lý thống nhất của con người. Sinh viên nhận thấy ý nghĩa của tâm lý học trong đời sống, trong hoạt động ngành. Đồng thời, môn học còn giúp sinh viên trình bày và giải thích được những nhu cầu cơ bản của khách du lịch (DL); tâm trạng, sở thích; những nét đặc trưng trong tâm lý của khách du lịch; quan hệ giữa người phục vụ và người tiêu dùng du lịch; những kỹ năng giao tiếp trong DL. Bước đầu SV hình thành kỹ năng phân tích, nhận xét, đánh giá, lý giải các tình huống của khách du lịch và đưa ra cách giải quyết phù hợp. Từ đó, giúp SV nhận thấy ý nghĩa của Tâm lý học du lịch trong hoạt động ngành nghề sau này, để có thái độ học tập nghiêm túc.

Đạo đức nghề nghiệp:

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về đạo đức trong môi trường kinh doanh, cùng các chuẩn mực, phẩm chất đạo đức trong nghề nghiệp. Ngoài ra, môn học còn cung cấp cho sinh viên một số vấn đề chung về văn hóa doanh nghiệp, nghiên cứu một số tình huống về văn hóa doanh nghiệp. Từ đó, sinh viên bước đầu biết cách xử lý những tình huống cụ thể ở doanh nghiệp một cách phù hợp nhất.

Kiến trúc mỹ thuật trong du lịch:

Môn học cung cấp các tri thức cơ bản về lịch sử hình thành các loại hình kiến trúc thế giới và những đặc điểm nhận dạng của từng loại kiến trúc tiêu biểu thường thấy trong các công trình kiến trúc trong du lịch và những yếu tố cốt lõi làm nên những kiến trúc Việt đặc trưng thường thấy trong các cung điện, đền đài, miếu đền thờ hay các cơ sở thờ tự theo tôn giáo, tín ngưỡng dân gian.

Văn hóa ẩm thực:

Môn học cung cấp các tri thức cơ bản về những nét đặc trưng và nhận dạng những nét văn hóa ẩm thực thế giới và của từng vùng miền Việt Nam. Từ đó, nắm được các yếu tố lịch sử văn hóa ẩm thực cũng như những nét tiêu biểu của nền ẩm thực mỗi vùng miền nhằm phục vụ trong các bài thuyết minh du lịch về sau.

Văn hóa các dân tộc Việt Nam:

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về lịch sử, văn hóa – ngôn ngữ, ẩm thực, trang phục, tập quán, tín ngưỡng dân gian,... của các dân tộc thiểu số tiêu biểu của Việt Nam. Qua đó trang bị cho sinh viên những kiến thức sâu góp phần xây dựng những kiến thức bổ trợ cho các môn học Tuyển điểm du lịch, Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch về sau.

Văn hóa các nước Đông Nam Á:

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về nhiều nền văn hóa, tạo nên một thể văn hóa đa dạng cho khu vực Đông Nam Á. Khu vực Đông Nam Á có những nét tương đồng do có chung một nền tảng văn hóa chính, hình thành nên những suy nghĩ, ứng xử khá giống nhau, dù ở các quốc gia khác nhau. Sinh viên khám phá những phong tục tập quán, lễ hội, tôn giáo tín ngưỡng, ẩm thực và những điểm đến du lịch nổi tiếng ở các quốc gia Đông Nam Á. Điều này cung cấp lượng kiến thức phục vụ cho công việc du lịch outbound sau này của sinh viên.

Tôn giáo và tín ngưỡng:

Môn học cung cấp các kiến thức về tín ngưỡng, tôn giáo phổ biến trong du lịch ở Việt Nam và thế giới. Từ đó, cung cấp cụ thể cho sinh viên những kiến thức về lịch sử tôn giáo, lễ nghi cúng bái thờ tự, kiến trúc và triết lý từng tín ngưỡng và tôn giáo tiêu biểu của Việt Nam mà ứng dụng trong công việc Hướng dẫn du lịch sau này thông qua những danh lam thắng cảnh của ba miền.

Phong tục tập quán và lễ hội truyền thống Việt Nam:

Môn học cung cấp cho sinh viên được kiến thức về phong tục tập quán, lễ hội truyền thống của người Việt Nam. Nắm được kiến thức về lễ tết. Lễ hội dân gian Việt Nam. Nhận biết được những nét đặc trưng cơ bản của nền văn hóa dân tộc thông qua các phong tục tập quán, lễ hội dân gian. Từ đó sinh viên phân biệt được các loại hình lễ hội, nắm được những nét đặc trưng cơ bản của từng loại hình lễ hội tiêu biểu.

Tuyến điểm du lịch miền Nam:

Môn học cung cấp hệ thống các khái niệm, vị trí địa lý, tài nguyên du lịch, văn hóa - ẩm thực, giao thoa – truyền thuyết, ... và các cung đường du lịch có tính hệ thống trong khu vực Nam Bộ một cách thuần thực nhất. Sinh viên được cung cấp cụ thể những giá trị nội dung của từng điểm đến trong mỗi cung đường du lịch. Sau khi học xong học phần này sinh viên có thể áp dụng vào công việc hướng dẫn du lịch khu vực phía Nam.

Tuyến điểm du lịch miền Trung:

Môn học cung cấp hệ thống các khái niệm, vị trí địa lý, tài nguyên du lịch, văn hóa - ẩm thực, giao thoa – truyền thuyết, ... và các cung đường du lịch có tính hệ thống trong khu vực Trung Bộ một cách thuần thực nhất. Sinh viên được cung cấp cụ thể những giá trị nội dung của từng điểm đến trong mỗi cung đường du lịch. Sau khi học xong học phần này sinh viên có thể áp dụng vào công việc hướng dẫn du lịch khu vực miền Trung – đặc biệt nổi bật lên cung đường di sản miền Trung.

Tuyến điểm du lịch miền Bắc:

Môn học cung cấp hệ thống các khái niệm, vị trí địa lý, tài nguyên du lịch, văn hóa - ẩm thực, giao thoa – truyền thuyết, ... và các cung đường du lịch có tính hệ thống trong khu vực Bắc Bộ một cách thuần thực nhất. Sinh viên được cung cấp cụ thể những giá trị nội dung của từng điểm

đến trong mỗi cung đường du lịch. Sau khi học xong học phần này sinh viên có thể áp dụng vào công việc hướng dẫn du lịch khu vực Bắc Bộ, chú trọng các di sản và điểm đến khu vực Tây Bắc và Đông Bắc.

Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch 1:

Môn học cung cấp các kiến thức, những yêu cầu, tố chất cần có của một người hướng dẫn viên, sự giống nhau và khác nhau giữa thuyết minh tại điểm và hướng dẫn trên tuyến như thế nào. Môn học chú trọng cung cấp những kỹ năng nghiệp vụ của một người hướng dẫn viên tại điểm và trên tuyến (Nội địa, Inbound). Từ đó ứng dụng thực hành tại các điểm tham quan nổi tiếng tại Thành phố Hồ Chí Minh và khu vực Tây Nguyên nhằm nâng cao nghiệp vụ thực tế một cách thuần thực nhất. Ngoài ra, chính những kiến thức, tác phong và kỹ năng của môn học giúp cho sinh viên một cách nhìn thực tế cho công việc hướng dẫn viên du lịch và thiết kế điều hành du lịch sau này.

Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch 2:

Môn học cung cấp các kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ của một người hướng dẫn viên quốc tế và nghiệp vụ trưởng đoàn cho thị trường Outbound. Từ đó ứng dụng thực hành tại các tuyến điểm tham quan nổi tiếng tại Đồng bằng sông Cửu Long và các quốc gia Đông Nam Á nhằm nâng cao nghiệp vụ thực tế một cách thuần thực nhất. Ngoài ra, chính những kiến thức, tác phong và kỹ năng của môn học giúp cho sinh viên một cách nhìn thực tế cho công việc hướng dẫn viên du lịch và thiết kế điều hành du lịch sau này.

Thương mại điện tử:

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về vai trò, chức năng của Thương Mại Điện Tử trong hoạt động của Doanh nghiệp. Các chiến lược kinh doanh và ứng dụng cho Thương Mại Điện Tử bao gồm: bán hàng trực tuyến, Marketing trực tuyến, B2B, B2C, Kinh doanh mạng xã hội, Thương mại trên thiết bị di động, thanh toán điện tử, chính phủ điện tử. Kiến trúc hạ tầng Thương Mại Điện Tử. An toàn và bảo mật thông tin cho các giao dịch trực tuyến.

Nghiệp vụ hành chính văn phòng:

Môn học cung cấp kiến thức tổng quát về quản trị hành chính văn phòng, giúp sinh viên có thể thực hiện một số nghiệp vụ văn phòng cơ bản như xây dựng chương trình, kế hoạch và lịch làm việc, tổ chức hội họp, tổ chức các chuyến đi công tác, soạn thảo, ban hành và quản lý văn bản, nghiệp vụ văn thư lưu trữ, giao tiếp hành chính và tổ chức nơi làm việc.

Hoạt náo trong du lịch:

Môn học cung cấp kiến thức kỹ năng thực hành về các chương trình lửa trại, chương trình sân khấu, các trò chơi băng reo, lý luận, trò chơi trên xe, trò chơi lớn, trò chơi sân khấu và trò chơi team building. Từ đó giúp cho sinh viên có kỹ năng hỗ trợ trong các hoạt động nghề nghiệp của một Hướng dẫn viên du lịch trong tương lai.

Thiết kế và điều hành du lịch:

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về thành phần của một chương trình du lịch và những yếu tố cốt lõi làm nên thành công của một chương trình du lịch tại các công ty lữ hành hiện nay. Từ đó sinh viên phải biết quy trình thiết kế những sản phẩm du lịch mới, công tác định giá chương trình du lịch và có tính ứng dụng trong thực tiễn về sau. Ngoài ra, môn học còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công việc của một điều hành du lịch. Qua đó sinh viên có thể vận dụng kiến thức được trang bị vào thực tế hoạt động kinh doanh của các công ty du lịch, lữ hành.

Quản lý điểm đến:

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về khái niệm và đặc trưng của một điểm đến du lịch, những điểm đến nổi tiếng hiện nay trên thế giới được phát triển và quản lý hiệu quả ra sao. Từ đó, cung cấp cho sinh viên kiến thức về xây dựng các chiến lược, quy hoạch, marketing điểm đến du lịch, chất lượng điểm đến du lịch và quản lý khủng hoảng của điểm đến. Cuối cùng sinh viên sẽ nhận thức được vấn đề khai thác điểm đến sao cho hiệu quả và mang tính phát triển bền vững của một điểm đến.

Quản trị kinh doanh lữ hành:

Môn học giúp cho sinh viên kiến thức về quản trị và kinh doanh lữ hành ở Việt Nam, giúp cho sinh viên nắm được các đặc điểm, nguyên tắc, phương pháp quản trị kinh doanh lữ hành. Sinh viên biết trình bày một báo cáo quản trị kinh doanh lữ hành, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến kinh doanh lữ hành; biết phân tích thị trường, điều tra, tổng hợp và phân tích số liệu kinh doanh.

Thực tế chuyên môn

Môn học được thiết kế nhằm giúp sinh viên quan sát và trải nghiệm thực tế của các dịch vụ du lịch, cung đường ngắn của một chương trình tour (từ 02 ngày trở lên). Mục đích chính xây dựng chương trình Team building và kết nối tinh thần tập thể cùng nhau học tập và nghiên cứu sau này. Từ đó sinh viên có cái nhìn bao quát về nghề nghiệp và hình thành ý thức tập thể, hoạt động nhóm cho các hoạt động học tập trong tương lai.

Thực tập chuyên môn 1

Môn học được thiết kế nhằm giúp sinh viên trải nghiệm thực tế của các dịch vụ du lịch, cung đường đi sản Miền Trung (từ 5 ngày trở lên) của một chương trình tour, khuyến khích sinh viên ứng dụng những kiến thức đã được trang bị song song vào thực tiễn công việc của một hướng dẫn viên. Từ đó sinh viên có cái nhìn bao quát về nghề nghiệp, tạo sự đam mê và hình thành chiến lược nghề nghiệp trong tương lai.

Thực tập chuyên môn 2

Môn học được thiết kế nhằm giúp sinh viên trải nghiệm thực tế tại các điểm đến trong một chương trình du lịch miền Bắc với trải nghiệm đường sắt, đường hàng không (từ 7 ngày trở lên) và áp dụng kiến thức từ lý thuyết đến thực tiễn. Nâng cao kỹ năng hướng dẫn du lịch, thiết kế sản phẩm

du lịch, điều hành du lịch và hoạt động tổ chức Gala Dinner,... Từ đó sinh viên có cái nhìn cụ thể về nghề nghiệp và hình thành những kỹ năng nghề nghiệp trong tương lai.

Thực tập doanh nghiệp du lịch lý hành:

Học phần được thiết kế nhằm giúp sinh viên trải nghiệm thực tế và hoàn thiện kỹ năng trong môi trường kinh doanh du lịch và nghề du lịch. Sinh viên đến các doanh nghiệp (có 03 năm hoạt động liên tục trở lên) thực tập tối thiểu trong thời gian 03 tháng đến 06 tháng. Sinh viên biết xác định mục tiêu chính của bản thân để tìm hiểu sâu, thu thập trao đổi những kỹ năng cần thiết chuẩn bị cho công việc trong tương lai.

Khóa luận tốt nghiệp:

Khóa luận tốt nghiệp QTDVDL-LH cung cấp cho sinh viên cơ hội tiếp cận môi trường làm việc; thực hành và nâng cao các kỹ năng nghiên cứu khoa học; áp dụng phương pháp nghiên cứu vào hoạt động kinh doanh và hành chính thực tế. Bên cạnh đó, để thích nghi tốt hơn với yêu cầu sau này trong môi trường làm việc, khóa luận tạo điều kiện cho sinh viên thực hành cách làm việc chuyên nghiệp, có được các giá trị đạo đức và nâng cao nhận thức về sự phát triển cá nhân trong sự nghiệp tương lai.

Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch:

Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản và có hệ thống về các khái niệm chất lượng dịch vụ và quản trị chất lượng dịch vụ trong du lịch; các phương pháp đo lường chất lượng dịch vụ; các mô hình quản lý, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch và hệ thống quản lý chất lượng dịch vụ du lịch trong nền kinh tế thị trường.

Khởi nghiệp:

Môn học cung cấp các tri thức cơ bản về khởi nghiệp và những yếu tố cốt lõi làm nên thành công của doanh nhân. Sinh viên biết cách đánh giá sơ bộ tính khả thi của ý tưởng kinh doanh, cách vận dụng lý thuyết để triển khai ý tưởng cụ thể trong kinh doanh. Bên cạnh đó môn học còn trang bị cho sinh viên cách nhận biết người tài thông qua các phẩm chất và kỹ năng của họ; cách thu hút người tài và sử dụng đồng vốn linh hoạt trong khởi nghiệp. Cuối cùng môn học cung cấp các kiến thức để giúp sinh viên hiểu biết về mô hình phát triển doanh nghiệp của một số công ty thành công trên thế giới.